

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST

Ngày: 13/5/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Liên và ông Y Míp Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Triệu Chung Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-DS ngày 02/04/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1940. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Bị đơn: Ông Võ Xuân L, sinh năm 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Hoàng Thị S1, sinh năm 1944. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày có nội dung:

Từ năm 1998 cho đến nay vợ chồng ông L, bà L1 đã vay của tôi tổng số tiền là 486.140.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) và 11 chỉ vàng. Tuy nhiên, từ thời gian vay cho đến nay vẫn chưa trả cho tôi khoản tiền

nào. Do đó, tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông L, bà L1 trả số tiền 486.140.000 đồng và 11 chỉ vàng 9999.

Đến ngày 23/12/2024 ông Nguyễn Văn S có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu giải quyết các khoản vay mà ông Võ Xuân L không ký và không thừa nhận, ông S chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà L1 trả khoản vay ngày 31/3/2017 là 48.180.000 đồng, khoản vay ngày 20/3/2014 là 40.000.000 đồng, khoản vay ngày 20/5/2014 là 20.000.000 đồng, khoản vay ngày 5/5/2013 là 23.000.000 đồng, khoản vay ngày 01/8/2013 là 5.000.000 đồng, khoản vay 11.000.000 đồng bà L1 vay để đầu tư chăn nuôi và 04 chỉ vàng 9999 bà L1 chi tiêu ăn học.

Đối với khoản vay ngày 20/3/2014 với số tiền 40.000.000 đồng và khoản vay ngày 20/5/2014 vay số tiền 20.000.000 đồng yêu cầu tính lãi suất 1% theo thỏa thuận từ ngày vay cho đến khi trả xong nợ.

- Về án phí: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Võ Xuân L trình bày có nội dung:

Đối với các khoản vay ngày 31/3/2017 vay 48.180.000 đồng, khoản vay ngày 5/5/2013 là 23.000.000 đồng, khoản vay ngày 01/8/2013 là 5.000.000 đồng thì tôi không thừa nhận là tôi vay của ông S. Lý do các buổi làm việc trước tôi thừa nhận khoản vay này vì tôi nghĩ là con cái nên tôi nhận nợ. Đối với khoản vay ngày 20/3/2014 với số tiền 40.000.000 đồng và khoản vay ngày 20/5/2014 vay số tiền 20.000.000 đồng, số tiền 11.000.000 đồng và 04 chỉ vàng thì tôi đồng ý trả nợ, còn yêu cầu tính lãi của hai khoản vay ngày 20/3/2014 và 20/5/2014 thì tôi không đồng ý trả lãi.

Tại biên bản làm việc ngày 15/4/2025 ông Võ Xuân L cho rằng số lượng vàng 04 chỉ là loại vàng gò thì ông L không biết vì do vợ trực tiếp vay, vợ sẽ cung cấp thông tin sau.

Tại phiên tòa ông Võ Xuân L xác nhận có nợ ông Nguyễn Văn S khoản vay ngày 31/3/2017 là 48.180.000 đồng, khoản vay ngày 01/8/2013 là 5.000.000 đồng, khoản vay ngày 20/3/2014 là 40.000.000 đồng, khoản vay ngày 20/5/2014 là 20.000.000 đồng, nợ số tiền 11.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 9999. Riêng khoản nợ ngày 05/5/2013 nợ 23.000.000 đồng thì không phải chữ ký của ông L nên không đồng ý trả nợ khoản vay này. Đồng ý tính lãi 1% theo thỏa thuận của hai khoản vay ngày 20/3/2014 là 40.000.000 đồng, khoản vay ngày 20/5/2014 là 20.000.000 đồng.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị S1 trình bày có nội dung:** Thống nhất lời khai của ông Nguyễn Văn S, không có ý kiến gì thêm.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày có nội dung:** Thống nhất lời khai của ông Võ Xuân L, không có ý kiến gì thêm.

Giữa nguyên đơn, bị đơn không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Võ Xuân L, bà Nguyễn Thị L1 liên đới trả số tiền nợ gốc là 124.180.000 đồng, tiền lãi thoản thuận 1%/ tháng của hai khoản vay 20/3/2014 là 40.000.000 đồng, khoản vay ngày 20/5/2014 là 20.000.000 đồng từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm và 04 chỉ vàng 9999.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi khoản nợ vay ngày 05/5/2013 là 23.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn S kiện đòi tổng số tiền 486.140.000 đồng và 11 chỉ vàng 9999. Đến ngày 23/12/2024 ông S thay đổi nội dung đơn khởi kiện và rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông L trả số tiền gốc là 147.180.000 đồng và 04 chỉ vàng 9999 và yêu cầu tính tiền lãi của hai khoản vay ngày 20/3/2014 và ngày 20/5/2014. Do đó, đây là mối quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản*”, Tòa án thụ lý vụ án phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Vào ngày 23/12/2024 ông Nguyễn Văn S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 338.960.000 đồng và 07 chỉ vàng 9999. Do đó căn cứ Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và phần trình bày của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với hai khoản vay lập ngày 20/3/2014 vay với số tiền 40.000.000 đồng và khoản vay ngày 20/5/2014 vay với số tiền 20.000.000 đồng: Tại biên bản đối chất, biên bản hòa giải, ông Võ Xuân L, bà Nguyễn Thị L1 đều thừa nhận có nợ hai khoản nợ này. Tại kết luận giám định số 338/KL-KTHS ngày 05/03/2025 xác định chữ ký, chữ viết “Võ Xuân L” dưới chữ hàng tháng và chữ viết “Võ Xuân L” dưới chữ con vay tiền

trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Võ Xuân L trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra. Như vậy ông Nguyễn Văn S với ông Võ Xuân L có lập giấy vay tiền của hai khoản vay vào ngày 20/3/2014 là 40.000.000 đồng và khoản vay ngày 20/5/2014 với số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy việc xác lập hợp đồng vay tiền giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự nhưng ông L, bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ Xuân L, bà Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Hoàng Thị S1 số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) là có cơ sở cần chấp nhận.

Về lãi suất: Theo giấy ghi nợ ngày 20/3/2014 và ngày 20/5/2014 hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đồng ý tính lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng. Do đó Hội đồng xét xử tính lãi suất thỏa thuận từ thời điểm vay cho đến nay như sau:

Đối với khoản vay 40.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 20/03/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/5/2025 là 133 tháng 17 ngày. Vậy lãi suất sẽ là $40.000.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 133 \text{ tháng} 02 \text{ ngày} = 53.426.666 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng, thời gian vay từ ngày 20/5/2014 đến ngày 13/5/2025 là 131 tháng 28 ngày. Vậy lãi suất sẽ là $20.000.000 \text{ đồng} \times 1\% / \text{tháng} \times 131 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 26.386.666 \text{ đồng}$.

Đối với khoản nợ ngày 31/3/2017 là 48.180.000 đồng và khoản nợ ngày 01/8/2013 là 5.000.000 đồng, khoản nợ 11.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 9999. Tại phiên tòa các bên đều thừa nhận các khoản nợ này, đây là sự kiện rõ ràng không phải chứng minh. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Võ Xuân L, bà Nguyễn Thị L1 trả các khoản nợ trên là có cơ sở, cần chấp nhận. Đối với các khoản nợ này nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tiền gốc và không yêu cầu tính lãi suất. Đây là yêu cầu tự nguyện của nguyên đơn, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản vay ngày 05/5/2013 là 23.000.000 đồng, tại kết luận giám định số 338/KL-KTHS ngày 05/3/2025 xác định không đủ cơ sở kết luận chữ viết “Lộc Lĩnh” dưới chữ người vay so với chữ viết mang tên Võ Xuân L trên các tài liệu có phải do cùng một người ký và viết ra. Mặt khác, bị đơn không thừa nhận có khoản nợ này. Do đó không đủ căn cứ để xác định bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 23.000.000 đồng, nên việc yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Vậy, tổng số tiền ông Võ Xuân L, bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Hoàng Thị S1 là 204.170.939 đồng (Hai trăm lẻ tư triệu, một trăm bảy mươi nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng) và 04 chỉ vàng 9999.

Về chi phí tố tụng:

Đối với việc giám định chữ ký, chữ viết lần 1 do nguyên đơn ông Nguyễn Văn S yêu cầu, tuy nhiên kết quả giám định yêu cầu của ông Sáng không có căn cứ do đó

nguyên đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết lần 1 là phù hợp Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với giám định chữ ký, chữ viết lần 2, do bị đơn ông Võ Xuân L yêu cầu, do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn ông Võ Xuân L phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết lần 2 là phù hợp với Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí:

Ông Võ Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn S là người cao tuổi, có đơn miễn án phí nên không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 207, Điều 208, Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 688 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Võ Xuân L, bà Nguyễn Thị L1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn S, bà Hoàng Thị S1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2025) là 204.170.939 đồng (Hai trăm lẻ tư triệu, một trăm bảy mươi nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng) và 04 chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ ngày 05/5/2013 là 23.000.000 đồng.

Đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 338.960.000 đồng và 07 chỉ vàng 9999.

Về chi phí tố tụng:

Đối với việc giám định chữ ký, chữ viết lần 1 do nguyên đơn ông Nguyễn Văn S yêu cầu, tuy nhiên kết quả giám định yêu cầu của ông S không có căn cứ do đó nguyên đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết lần 1 là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đã nộp đủ.

Đối với giám định chữ ký, chữ viết lần 2, do bị đơn ông Võ Xuân L yêu cầu, do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn ông Võ Xuân L phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết lần 2 là 4.100.000 đồng. Bị đơn ông Võ Xuân L đã nộp đủ.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Võ Xuân L phải chịu 12.568.547 đồng án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch [Giá vàng nhẫn trơn 9999 tại thời điểm xét xử là 11.800.000 đồng/ chỉ, 04 chỉ vàng 999 có giá trị là 47.200.000 đồng, Án phí được tính là $(204.170.939 \text{ đồng} + 47.200.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 12.568.547 \text{ đồng}$];

Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn miễn án phí nên không phải chịu tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. ;
- Chi cục THADS H. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn